

Bản án số: 14 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 /03/2018

“V/v ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

- Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Mạnh Dũng, ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 23 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/ TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Th H Nh; Sinh năm 1995 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2 , xã N T , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Trần V H; Sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3 , xã N T , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2018 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chỉ Võ Th H Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Trần V H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N T , huyện B Đ, tỉnh Bình Phước ngày 07/10/2016. Quá trình sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hòa hợp với nhau, mỗi người có tính cách sống khác nhau, anh Hoàng hay tụ tập chơi bời, không chăm lo quan tâm gia đình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 06 năm 2017 đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 người con chung, họ tên Trần Nh Y, sinh ngày 05/09/2016, nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung : Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ : Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý với lời trình bày của cô Võ Thị H Nh về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, sau đó có mâu thuẫn là đúng, nhưng tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con chung, họ tên Trần Văn Nh Y, sinh ngày 05/09/2016, nếu ly hôn thì có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ : Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết như nguyên đơn trình bày là đúng.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

1/ Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

2/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Võ Thị H Nh có đăng ký kết hôn với anh Trần Văn H, nay chị Nh xin ly hôn với anh H, vì vậy quan hệ pháp luật là tranh chấp “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

3/ Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Võ Thị H Nh và anh Trần Văn H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước, như vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn H và chị Võ Thị H Nh là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, anh Trần Văn H và chị Trần Văn H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng, các bên đã thừa nhận và sống ly thân, như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Võ Thị H Nh được ly hôn với anh Trần Văn H.

4/ Về con chung : Có 01 người con chung, họ tên Trần Văn Nh Y, sinh ngày 05/09/2016, xét thấy cháu Y còn nhỏ, cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Trần Văn Nh Y cho chị Võ Thị H Nh chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

5/ Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

6/ Về án phí : chị Võ Thị H Nh nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Võ Thị H Nh được ly hôn với Trần Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 77 ngày 07/10/2016 do UBND xã N T, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước cấp hết hiệu lực khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung : Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Trần Văn Nh Y, sinh ngày 05/09/2016 cho chị Võ Thị H Nh chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản và nợ chung : Không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: chị Võ Thị H Nh nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ tuy nhiên khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0021754 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ tỉnh Bình Phước. (Đã nộp xong)

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. B Đ;
- Chi cục THADS H. B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên